

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Văn Khang	Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Duyên	Giám đốc	
Ông Trần Đình Thông	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2024)
Ông Ngô Văn Khích	Phó Giám đốc	
Ông Phùng Đức Sơn	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/07/2024)
Ông Nguyễn Vũ Tuyên	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 22/10/2024)
Bà Vũ Thanh Nga	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát là:

Ông Trần Quốc Tuấn	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh	Kiểm soát viên	(Kiêm nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đường)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường

Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch *W*



Lưu Văn Khang



Số: 03/2025/ASCO/BCKT-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu và Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường được lập ngày 25 tháng 01 năm 2025, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị hàng tồn kho là 989.909.634 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu và đánh giá cũng như chưa thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến Hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty hay không.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10 của Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận tăng một số tài sản có tổng nguyên giá là 412.612.554.741 VND. Các tài sản này đã được nghiệm thu hoàn thành trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến trước năm 2024 và được bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận khấu hao các tài sản này trong năm, tương ứng với việc giảm vốn chủ sở hữu số tiền 5.871.352.314 VND. Nếu thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam, chi phí hoạt động của Công ty trong năm nay và các năm trước cùng vốn chủ sở hữu sẽ tăng lên một số tương ứng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10 của Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện ghi tăng một số tài sản phát sinh trong giai đoạn trước năm 2019, được phân cấp quản lý theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019. Đồng thời, Công ty đã ghi nhận khấu hao các tài sản này từ thời điểm nghiệm thu và đưa vào sử dụng, tương ứng với giảm vốn chủ sở hữu số tiền 4.889.833.774 VND. Việc ghi nhận tăng tài sản không đúng thời điểm và ghi nhận khấu hao chưa phù hợp với các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam. Nếu thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam, chi phí hoạt động của Công ty trong năm nay và các năm trước cùng vốn chủ sở hữu sẽ tăng lên một số tương ứng.

Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh khấu hao một số tài sản cố định có thời gian khấu hao, thời điểm khấu hao chưa phù hợp chế độ kế toán hiện hành dẫn tới giá trị hao mòn lũy kế của một số tài sản tăng 1.585.861.692 VND so với năm liền kề, làm cho chi phí hoạt động trong năm nay tăng lên và chi phí hoạt động các năm trước giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 24, theo thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 13/12/2024 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Ninh có chủ trương hợp nhất Công ty và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đường thành Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Ninh. Tuy nhiên, Công ty chưa có hướng dẫn cụ thể liên quan tới hợp nhất hoạt động giữa hai công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Khiết

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0807-2023-149-1

Kiểm toán viên

Trương Thế Đức

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 5669-2023-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.750.406.529	17.535.317.677
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.694.189.401	13.857.950.817
111 1. Tiền		12.694.189.401	13.857.950.817
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.873.589.038	2.501.901.139
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	733.486.253	759.028.600
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	974.640.000	46.274.100
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	475.798.370	1.001.934.024
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(147.827.041)	(147.827.041)
139 5. Tài sản thiếu chờ xử lý		842.491.456	842.491.456
140 IV. Hàng tồn kho	8	1.177.477.299	1.175.465.721
141 1. Hàng tồn kho		1.177.477.299	1.175.465.721
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		150.791	-
153 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	150.791	-
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.379.632.347.620	781.907.117.723
220 II. Tài sản cố định		1.373.886.668.620	756.866.215.723
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.373.886.668.620	756.866.215.723
222 - Nguyên giá		1.523.679.563.828	889.799.551.604
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(149.792.895.208)	(132.933.335.881)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228 - Nguyên giá		20.000.000	49.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(20.000.000)	(49.000.000)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	5.745.679.000	25.040.902.000
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.745.679.000	25.040.902.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.396.382.754.149	799.442.435.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.306.616.754	17.206.252.224
310	I. Nợ ngắn hạn		16.306.616.754	17.206.252.224
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5.281.066.448	7.715.856.405
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	291.124.361	598.118.782
318	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	-	2.661.096
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.612.171.820	6.873.140.412
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	380.000.000	580.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.742.254.125	1.436.475.529
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.380.076.137.395	782.236.183.176
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.378.297.280.907	780.457.326.683
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.376.658.202.374	780.009.208.477
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		212.121.409	211.170.087
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.426.957.124	236.948.124
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		1.778.856.488	1.778.856.488
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.778.856.488	1.778.856.488
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.396.382.754.149	799.442.435.400

Người lập biểu

Lưu Thị Thanh

Kế toán trưởng

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025



Chủ tịch

Lưu Văn Khang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	131.455.897.481	104.825.640.304
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.455.897.481	104.825.640.304
11	3. Giá vốn hàng bán	19	116.875.510.622	92.844.026.290
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.580.386.859	11.981.614.014
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	44.075.784	60.144.216
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	14.624.770.892	12.109.875.396
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(308.249)	(68.117.166)
31	8. Thu nhập khác	22	4.272.091	79.577.575
40	9. Lợi nhuận khác		4.272.091	79.577.575
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.963.842	11.460.409
51	11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	792.768	2.292.082
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.171.074	9.168.327

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lưu Thị Thanh

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025



Lưu Văn Khang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		130.890.014.156	103.338.501.818
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(52.311.156.846)	(47.616.008.292)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(52.729.250.185)	(37.490.367.436)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.915.997)	(575.751)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.960.889.396	1.035.174.336
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.147.840.815)	(20.894.408.193)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.340.260.291)	(1.627.683.518)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.255.518.311)	(19.424.710.450)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		909.091	59.856.363
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44.075.784	60.144.216
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.210.533.436)	(19.304.709.881)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		21.587.032.311	23.398.541.460
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.190.000.000	1.910.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.390.000.000)	(1.560.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.387.032.311	23.748.541.460
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.163.761.416)	2.816.148.061
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.857.950.817	11.041.802.756
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	12.694.189.401	13.857.950.817

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lưu Thị Thanh

Vũ Thanh Nga

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025



Lưu Văn Khang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đường được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Nam Đường là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 451 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 448 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cung cấp dịch vụ công ích liên quan đến hoạt động thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương;
- Giám sát công trình thủy lợi cấp II, dân dụng và công nghiệp đến cấp III;
- Thiết kế các công trình thủy lợi cấp IV;
- Thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi đến cấp III;
- Thẩm tra thiết kế các công trình thủy lợi, thẩm tra thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đầu tư dịch vụ và Xây dựng Nam Đường	Phố Vàng, xã Nghĩa Đạo, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa, xây lắp công trình thủy lợi
Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nam Đường	Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Ban quản lý dự án đầu tư công trung hạn	Phố Đông Côi, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Quản lý dự án trung hạn

Đây là các đơn vị hạch toán độc lập.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền-mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 và các quy định có liên quan, các tài sản còn lại được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo khung khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	09 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	15 năm
- Các tài sản khác	10 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm khoản sửa chữa lớn và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Các tài sản hoàn thành được đưa vào sử dụng được công ty tạm tăng theo các biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh thực hiện dự án đầu tư hoàn thành và bàn giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận tài sản.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định hiện hành.

Hoạt động khai thác, quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước của Công ty là hoạt động công ích, không phát sinh lãi, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của các Xí nghiệp. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi các Xí nghiệp hạch toán độc lập có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Xí nghiệp trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành về phân phối lợi nhuận của Doanh nghiệp sở hữu 100% Vốn Nhà nước:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ cung cấp tưới tiêu

Doanh thu từ dịch vụ cung cấp tưới tiêu bao gồm thủy lợi phí các vụ Xuân, Mùa, Đông, được thực hiện theo quy định tại Nghị định 67/2012/NĐ-CP và áp dụng mức thu theo quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc cung cấp dịch vụ cung cấp tưới tiêu đã hoàn thành được xác định theo biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê đất đặt trạm thu phát sóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	599.134.615	748.133.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.095.054.786	13.109.817.126
	12.694.139.401	13.857.950.817

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xí nghiệp Đầu tư phát triển Thủy lợi Gia Lâm	516.844.616	-	514.591.416	-
Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Lâm	4.978.400	-	4.977.960	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	211.663.237	147.827.041	239.459.224	147.827.041
	733.486.253	147.827.041	759.028.600	147.827.041

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy lợi Tâm Đắc	-	-	41.186.100	-
Công ty TNHH Xây dựng và Đồ gỗ nội thất Hà Trang	970.000.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	4.640.000	-	5.088.000	-
	974.640.000	-	46.274.100	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải	-	-	8.651.000	-
Tạm ứng hoạt động tại các xí nghiệp	100.412.262	-	111.591.916	-
Phải thu khác	375.386.108	-	881.691.108	-
	475.798.370	-	1.001.934.024	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hợp tác xã Tam Á	36.115.617	-	36.115.617	-
Hợp tác xã Cẩm Hưng	33.323.040	-	33.323.040	-
Xí nghiệp Tam Thiên Mầu	27.452.000	-	27.452.000	-
Hợp tác xã Trà Lâm	24.890.583	-	24.890.583	-
Hợp tác xã Ngọc Khảm - Gia Đông	16.842.892	-	16.842.892	-
Hợp tác xã Ninh Xá	9.202.909	-	9.202.909	-
	147.827.041	-	147.827.041	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	981.926.785	-	1.028.864.682	-
Công cụ, dụng cụ	7.982.849	-	7.982.213	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	187.567.665	-	138.618.826	-
	1.177.477.299	-	1.175.465.721	-

9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cứng hóa kênh tưới trạm bơm Cầu Móng (i)	-	4.054.671.000
Cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm Thọ Ninh (ii)	3.194.267.000	2.526.585.000
Sửa chữa trạm bơm Ích-Phú (iii)	1.112.251.000	124.464.000
Đầu tư xây dựng Trụ sở cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành (iv)	317.930.000	-
Công trình khác	1.121.231.000	18.275.182.000
	5.745.679.000	25.040.902.000

(i) Cứng hóa tuyến kênh dài khoảng 800m từ kênh trạm bơm Cầu Móng hiện có và xây dựng các công trình trên kênh, đảm bảo tưới chủ động cho 75ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp và tiêu cho 103ha của xã Xuân Lai, huyện Gia Bình. Tổng mức đầu tư được duyệt là 4.261.563.000 đồng. Ngày 14/05/2024, Dự án đã được Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 49/QĐ-STC, cho phép Công ty tiếp nhận tài sản với giá trị 4.079.325.000 đồng.

(ii) Cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm Thọ Ninh nhằm đảm bảo khả năng tưới cho 130,6ha đất nông nghiệp của xã Phú Lương, huyện Lương Tài. Tổng mức đầu tư được duyệt là 3.527.838.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024 dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán.

(iii) Sửa chữa trạm bơm Ích-Phú thuộc kế hoạch sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2023 nhằm đảm bảo khả năng tưới, tiêu kết hợp cho 64,1ha đất nông nghiệp của thôn Ích Phú thuộc xã Song Giang và công tác quản lý vận hành của trạm bơm. Tổng mức đầu tư được duyệt là 2.677.850.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024 dự án đang được triển khai.

(iv) Đầu tư xây dựng Trụ sở cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho cán bộ công nhân viên cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành. Tổng mức đầu tư được duyệt là 5.942.687.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024 dự án đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	713.253.805.520	174.996.934.084	1.097.712.000	451.100.000	889.799.551.604
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.691.695.200	15.227.934.800	-	-	52.919.630.000
- Tăng do nhận bàn giao (i)	324.798.438.460	297.321.855.189	-	-	622.120.293.649
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(98.000.000)	(98.000.000)
- Giảm do bàn giao lại (ii)	(41.061.911.425)	-	-	-	(41.061.911.425)
Số dư cuối năm	1.034.682.027.755	487.546.724.073	1.097.712.000	353.100.000	1.523.679.563.828
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	73.170.035.161	58.490.949.519	821.251.201	451.100.000	132.933.335.881
- Tăng do nhận bàn giao (i)	2.395.598.974	8.365.587.114	-	-	10.761.186.088
- Khấu hao trong năm	3.377.358.609	8.651.974.292	195.148.788	-	12.224.481.689
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(98.000.000)	(98.000.000)
- Giảm do bàn giao lại (ii)	(6.028.108.450)	-	-	-	(6.028.108.450)
Số dư cuối năm	72.914.884.294	75.508.510.925	1.016.399.989	353.100.000	149.792.895.208
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	640.083.770.359	116.505.984.565	276.460.799	-	756.866.215.723
Tại ngày cuối năm	961.767.143.461	412.038.213.148	81.312.011	-	1.373.886.668.620
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:					10.036.156.948 VND
- Nguyên giá TSCĐ không phải trích khấu hao:					1.291.438.578.776 VND

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- (i) Nhận bàn giao TSCĐ hữu hình theo các quyết định:

+ Điều chỉnh tăng tài sản cố định theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính và Quyết định 19/2019/QĐ-UBND ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi ngày 10/10/2019, nguyên giá: 209.507.738.908 VND, giá trị hao mòn lũy kế: 4.889.833.774 VND.

+ Tăng tài sản cố định theo các quyết định bàn giao tài sản đưa vào sử dụng và theo phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, các tài sản này đã được bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh, nguyên giá: 412.612.554.741 VND, giá trị hao mòn lũy kế: 5.871.352.314 VND.

- (ii) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính và theo Quyết định 19/2019/QĐ-UBND ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi ngày 10/10/2019.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	49.000.000	49.000.000
- Giảm khác	(29.000.000)	(29.000.000)
Số dư cuối năm	20.000.000	20.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	49.000.000	49.000.000
- Giảm khác	(29.000.000)	(29.000.000)
Số dư cuối năm	20.000.000	20.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.000.000 đồng.

12 . VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Lê Thị Thu Hằng	30.000.000	30.000.000	240.000.000	270.000.000	-	-
Ông Lưu Văn Phùng	460.000.000	460.000.000	770.000.000	1.230.000.000	-	-
Ông Nguyễn Văn Thiện	70.000.000	70.000.000	-	70.000.000	-	-
Ông Đoàn Văn Khánh (i)	-	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
Bà Dương Thị Hà (ii)	20.000.000	20.000.000	180.000.000	20.000.000	180.000.000	180.000.000
Các cá nhân khác	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
	580.000.000	580.000.000	2.190.000.000	2.390.000.000	380.000.000	380.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Vay ngắn hạn Ông Đoàn Văn Khánh theo hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết:

- + Số tiền vay: 200.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 01 tháng, đến ngày 20/03/2025;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024 là 200.000.000 VND.

(ii) Vay ngắn hạn Bà Dương Thị Hà theo hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết:

- + Số tiền vay: 200.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 01 tháng, đến ngày 20/03/2025;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024 là 200.000.000 VND.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thanh	1.338.469.000	1.338.469.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	-	-	1.205.989.000	1.205.989.000
Công ty Tư vấn Xây dựng và Thương mại Tuấn Minh	479.404.000	479.404.000	744.519.000	744.519.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MTV	446.292.000	446.292.000	602.354.000	602.354.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Techco	509.151.000	509.151.000	597.190.000	597.190.000
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	-	-	575.059.000	575.059.000
Phải trả các đối tượng khác	2.507.750.448	2.507.750.448	3.990.745.405	3.990.745.405
	5.281.066.448	5.281.066.448	7.715.856.405	7.715.856.405

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	240.021.637	384.360.489	538.011.831	1	86.370.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.287.796	792.768	2.915.997	150.790	315.357
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.582.440	16.582.440	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	55.933.511	55.933.511	-	-
Các loại thuế khác, phí khác	-	10.000.401	10.000.401	-	-
Các khoản Thuế lợi phí và trợ giá (ngân sách cấp)	355.809.349	142.272.481.689	142.423.852.330	-	204.438.708
	598.118.782	142.740.151.298	143.047.296.510	150.791	291.124.361

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	5.911.212
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.612.171.820	6.867.229.200
- Dabaco hỗ trợ kinh phí tiền xây dựng cụm Hồ-Trung tâm (i)	5.280.489.800	5.280.489.800
- Ban Quản lý Dự án Sửa chữa lớn tài sản kết cấu Hạ tầng thủy lợi năm 2023	-	771.131.000
- BHXH thị xã Thuận Thành	2.222.649.004	-
- Phải trả khác	109.033.016	815.608.400
	7.612.171.820	6.873.140.412

(i): Đây là khoản hỗ trợ của Dabaco theo Quyết định số 250/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 03/3/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành cho Công ty.

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ các hoạt động	-	2.661.096
	-	2.661.096

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	733.252.010.017	208.419.589	-	22.245.002.124	755.705.431.730
Tăng vốn trong năm trước	24.057.555.000	-	-	25.374.703.460	49.432.258.460
Lãi trong năm trước	-	-	9.168.327	-	9.168.327
Chuyển nguồn	22.776.313.460	-	-	(46.757.198.460)	(23.980.885.000)
Phân phối lợi nhuận	-	2.750.498	(9.168.327)	-	(6.417.829)
Điều chỉnh giảm trong năm	(76.670.000)	-	-	(625.559.000)	(702.229.000)
Số dư cuối năm trước	780.009.208.477	211.170.087	-	236.948.124	780.457.326.688
Tăng vốn trong năm nay (i)	611.918.952.673	-	-	21.462.810.311	633.381.762.984
Lãi trong năm nay	-	-	3.171.074	-	3.171.074
Chuyển nguồn	20.255.518.311	-	-	(20.255.518.311)	-
Điều chỉnh giảm trong năm (ii)	(35.525.477.087)	-	-	(17.283.000)	(35.542.760.087)
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	951.322	(3.171.074)	-	(2.219.752)
Số Số dư cuối năm nay	1.376.658.202.374	212.121.409	-	1.426.957.124	1.378.297.280.907

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) Tăng vốn thông qua việc nhận tài trợ vốn đầu tư XDCB;

(ii) Giảm nguồn vốn do điều chỉnh gồm:

+ Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính và theo Quyết định 19/2019/QĐ-UBND ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi ngày 10/10/2019.

(iii) Trong năm Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 951.322 VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.219.752 VND

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.455.897.481	104.825.640.304
	131.455.897.481	104.825.640.304

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	116.875.510.622	92.844.026.290
	116.875.510.622	92.844.026.290

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.075.784	60.144.216
	44.075.784	60.144.216

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu quản lý	251.626.074	295.884.520
Chi phí nhân công	9.058.178.113	7.282.671.242
Chi phí đồ dùng văn phòng	938.392.045	529.445.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.414.423	395.025.844
Tnuế, phí và lệ phí	66.207.989	75.570.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.162.062	310.866.527
Chi phí khác bằng tiền	3.449.790.186	3.220.411.454
	14.624.770.892	12.109.875.396

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cho thuê mặt bằng	-	12.121.212
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	909.091	67.456.363
Thu nhập từ thanh lý vật tư thiết bị cũ	3.363.000	-
	4.272.091	79.577.575

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.963.842	11.460.409
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.963.842	11.460.409
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	792.768	2.292.082

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 13/12/2024 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh, Công ty và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Dương hợp nhất thành Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Ninh. Công ty chưa có hướng dẫn cụ thể liên quan tới hợp nhất hoạt động giữa hai công ty.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
---------------	-------------

- Ban Giám đốc Thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	1.368.496.245	1.583.232.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025



Lưu Thị Thanh

Vũ Thanh Nga

Lưu Văn Khang